TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.
Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án, Toà án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc "*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Xuân T, sinh năm 1983.
Nơi thường trú: Thôn 7, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn 7, xã E, tỉnh Đắk Lắk), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm1990.
Nơi thường trú: Thôn 7, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn 7, xã E, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Xuân T trình bày:* Tôi và bà Trần Thị H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2008, tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn bà Huệ chuyển khẩu từ nhà bố mẹ đẻ về sinh sống với tôi tại thôn 7, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng sinh sống ổn định tại thôn 7, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đến năm 2015 thì bà H bỏ đi đến nay, không rõ tung tích. Tôi đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của bà H.

Theo quyết định số 04/2025/QĐ-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tuyên bố bà Trần Thị H, sinh năm 1990. Nơi thường trú: thôn 7, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk mất tích. Bà H bỏ đi đã lâu, không có tin tức. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Trần Thị H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi hai con chung là cháu Võ Xuân Anh L, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Võ Xuân Anh K, sinh ngày 19/4/2014, hiện hai cháu đang sống với tôi. Tôi có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.*

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Xuân Th. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Võ Xuân Thắng được ly hôn với bà Trần Thị H; Về con chung: Giao các con chung là cháu Võ Xuân Anh L, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Võ Xuân Anh K, sinh ngày 19/4/2014 cho ông Võ Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Xuân T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Xuân T và bà Trần Thị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/12/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của ông Võ Xuân T thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Ea K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Đến năm 2015 bà H bỏ đi đến nay, không rõ tung tích. Nay ông T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Xét thấy, theo Quyết định số 04/2025/QĐ-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tuyên bố bà Trần Thị H, sinh năm 1990. Nơi thường trú: Thôn 7, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk mất tích. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Xuân T, cho ông Võ Xuân T được ly hôn với bà Trần Thị H.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Võ Xuân T và bà Trần Thị H có hai con chung là cháu Võ Xuân Anh L, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Võ Xuân Anh K, sinh ngày 19/4/2014, hiện hai cháu đang sinh sống cùng với ông T; nguyện vọng của hai cháu tiếp tục được ở với bố; nguyện vọng của ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, để đảm bảo điều kiện học hành, sinh hoạt và phù hợp với nguyện vọng của các con chung, HĐXX giao các con chung là cháu Võ Xuân Anh L, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Võ Xuân Anh K, sinh ngày 19/4/2014 cho ông Võ Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Võ Xuân T không yêu cầu bà Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Bà Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, bà Trần Thị H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Ông Võ Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Võ Xuân T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Xuân T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Xuân T được ly hôn với bà Trần Thị H.

- Về con chung: Giao các con chung là cháu Võ Xuân Anh L, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Võ Xuân Anh K, sinh ngày 19/4/2014 cho ông Võ Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Võ Xuân T không yêu cầu bà Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, bà Trần Thị H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Ông Võ Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Võ Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003363 ngày 18/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đắk Lắk;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy